

Số: /QĐ-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt giá khởi điểm của các điểm mỏ để đấu giá
quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2019 (đợt 2)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 328/TTr-STNMT ngày 05 tháng 7 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2019 (đợt 2), như sau:

1- Giá khởi điểm đối với điểm mỏ chưa thăm dò, phê duyệt trữ lượng:

Được xác định bằng mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) theo quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 54/2014/BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính (*cụ thể có phụ lục 1, 2 và 3 kèm theo*). Mức giá khởi điểm trên chưa bao gồm chi phí khảo sát thăm dò, đánh giá trữ lượng; chi phí lập hồ sơ khai thác mỏ sau khi trúng đấu giá; các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác có liên quan.

2- Về dự toán Đề án thăm dò khoáng sản hoặc tổng vốn đầu tư Dự án đầu tư khai thác khoáng sản: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan căn cứ suất đầu tư thực tế khi thăm dò loại khoáng sản đấu giá ở khu vực chưa có kết quả thăm dò hoặc suất đầu tư thực tế khi khai thác loại khoáng sản đấu giá ở khu vực đã có kết quả thăm dò trong điều kiện tương tự để tính toán, quyết định và công bố, làm cơ sở đánh giá về tiêu chí vốn chủ sở hữu của tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Điều 2. Giao Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum (được Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập tại Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 và Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2017) phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan xác định tiền đặt trước, bước giá, xây dựng nội quy phiên đấu giá và tổ chức đấu giá theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Kon Tum, Ngọc Hồi, Đăk Tô, Kon Rẫy, Đăk Hà, Sa Thầy; và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Như Điều 3;
- LĐVP.UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Tuấn

Phụ lục 1:

GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐIỂM MỎ ĐÁ CHƯA THĂM DÒ PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên điểm mỏ	Địa điểm	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m³)	Giá khởi điểm R_{kd} (%)	Ghi chú
1	Điểm mỏ số 1	Thôn Đăk Rơ Đe, xã Ngọc Bay, thành phố Kon Tum	5,0	150.000	3	

Phụ lục 2:

GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐIỂM MỎ CÁT CHƯA THẨM DÒ PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên điểm mỏ	Địa điểm	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m³)	Giá khởi điểm R_{kd} (%)	Ghi chú
1	Điểm mỏ số 1	Ranh giới xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy và xã Đăk Mar, huyện Đăk Hà	10	100.000	5	
2	Điểm mỏ số 2	Thôn 10, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy	1,5	15.000	5	
3	Điểm mỏ số 3	Thuộc ranh giới Thôn 5, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi và xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô	01	10.000	5	

Phụ lục 3:

GIA KHỞI ĐIỂM ĐIỂM MỎ SÉT CHƯA THĂM DÒ PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên điểm mỏ	Địa điểm	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m³)	Giá khởi điểm R_{kd} (%)	Ghi chú
1	Điểm mỏ số 1	Thôn Thanh Trung, phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum	02	50.000	3	
2	Điểm mỏ số 2	Thôn Thanh Trung, phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum	02	50.000	3	
3	Điểm mỏ số 3	Thôn Thanh Trung, phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum	02	50.000	3	
4	Điểm mỏ số 4	Thôn Thanh Trung, phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum	02	50.000	3	